TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THANH LIÊM** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 01 - 2022.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mai;

2. Bà Lê Thị Hà;

- Thư ký phiên toà: bà Nhiếp Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm - tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2021/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2021 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 12 năm 2021, giữa:

1. Nguyên đơn: chị Lương Thị Thanh S - sinh năm 1988; địa chỉ: thôn .., xã Q T, huyện T Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Bị đơn: anh Bùi Văn V - sinh năm 1983; địa chỉ: thôn Đ H, xã T T, huyện T L, tỉnh Hà Nam.

Tại phiên tòa: anh V có mặt; chị S vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/07/2021 và bản tự khai, nguyên đơn chị Lương Thị Thanh S trình bày:

Chị kết hôn với anh Bùi Văn V vào năm 2012, kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam. Nhưng thực tế anh chị đã chung sống với nhau từ đầu năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng chỉ chung sống được một thời gian ngắn đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng quan điểm

sống, lối sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Bản thân chị đã nhiều lần phân tích, khuyên giải để vợ chồng giải quyết mâu thuẫn và tiếp tục chung sống nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 8 năm 2012 vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, chị xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung giữa vợ chồng không còn hạnh phúc, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn V.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 16/11/2010, hiện nay cháu đang ở với chị, nếu ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi cháu và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng không có, nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Tại bản tự khai anh Bùi Văn V trình bày: Anh kết hôn với chị Lương Thị Thanh S vào năm 2012, trên cơ sở có tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm ngày 18/5/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, lối sống, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng nên từ tháng 8 năm 2012 vợ chồng đã sống ly thân không ai còn quan tâm đến ai nữa, chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Đến nay, anh xác định mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị S có đơn xin ly hôn với anh, anh cũng nhất trí đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị S.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 16/11/2010, hiện nay cháu đang ở với chị S. nếu ly hôn anh nhất trí giao cháu Ngọc T cho chị S trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị S.

- Về con nuôi, con riêng: Vợ chồng không có.

- Về tài sản chung, công nợ: vợ chồng không có, nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

- Về công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lương Thị Thanh S đã có đơn xin vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa; chị S vẫn giữ nguyên quan điểm về việc giải quyết

vụ án như đã trình bày tại bản tự khai, do vậy Tòa án không tiến hành hòa giải được đối với vụ án trên.

* *Xác minh tại chính quyền địa phương xác định:* chị Lương Thị Thanh S và anh Bùi Văn V kết hôn với nhau năm 2012, anh chị kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh V được một thời gian ngắn, thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn sau đó chị S đã bỏ về quê đẻ để sinh sống từ đó đến nay không thấy quay lại, chỉ có anh Bùi Văn V hiện nay vẫn sinh sống tại địa phương. Nguyên nhân mâu thuẫn cũng như diễn biến mâu thuẫn giữa vợ chồng anh chị thì địa phương không nắm rõ, vì thời gian anh chị chung sống ở địa phương quá ngắn. Đến nay, chị S có đơn xin ly hôn với anh V tại Tòa án, quan điểm của chính quyền địa phương là đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ để cùng nuôi dạy con cái, vì anh, chị còn trẻ, con cái còn nhỏ. Trường hợp anh chị đều kiên quyết xin ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 06/11/2010. Hiện nay cháu đang sinh sống cùng với chị S, nếu ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ vào điều kiện của các bên cũng như nguyện vọng của các cháu để giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh, chị không có tài sản chung.

- Về công nợ: Tại địa phương anh, chị không có nợ tập thể, còn có nợ cá nhân nào không thì địa phương không rõ.

Tại phiên tòa anh Bùi Văn V giữ nguyên ý kiến đồng ý ly hôn với chị Lương Thị Thanh S.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51; 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị Thanh S. Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị Thanh S và anh Bùi Văn V. Về con chung: giao cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 16/11/2010 cho chị Lương Thị Thanh S nuôi dưỡng cho đến khi cháu Ngọc T đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con, do chị Lương Thị Thanh S không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí ly hôn sơ thẩm, chị Lương Thị Thanh S phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của chị Lương Thị Thanh S có cơ sở xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn là anh Bùi Văn V hiện đang có HKTT và cư trú tại xã T T, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam; nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Thanh Liêm.

Nguyên đơn chị Lương Thị Thanh S có đơn xin xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự quyết định phiên tòa vẫn được tiến hành xét xử theo thủ tục chung mặc dù có sự vắng mặt của nguyên đơn.

[2] Về hôn nhân: Chị Lương Thị Thanh S và anh Bùi Văn V kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 18/5/2012 tại UBND xã Thanh Tân, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, nên đây là hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và gia đình bảo vệ. Sau khi kết hôn anh, chị chỉ chung sống hòa thuận được một thời gian ngắn khoảng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp tính tình, bất đồng quan điểm trong cuộc sống; dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng nên tháng 8/2012 chị Lương Thị Thanh S đã về quê sinh sống; vợ chồng đã sống ly thân từ đó cho đến nay, không có liên lạc gì và cũng không còn quan tâm đến nhau nữa. Hội đồng xét xử thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị S và anh V đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử xử cho ly hôn giữa chị S và anh V là phù hợp với pháp luật và thực tế.

[3] Về con chung: Anh, chị có một con chung là cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 16/11/2010, từ khi vợ chồng sống ly thân cháu ở với chị S. Khi ly hôn, chị Lương Thị Thanh S đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu, anh Bùi Văn V cũng nhất trí giao cháu Ngọc T cho chị Lương Thị Thanh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu. Vì vậy, nên tiếp tục giao cháu Bùi Ngọc T cho chị Lương Thị Thanh S tiếp tục nuôi dưỡng cháu là phù hợp với thực tế và pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con do chị S không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung không có, công nợ không có, ruộng tăng sản, công sức đóng góp, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị Lương Thị Thanh S và anh Bùi Văn V không đề nghị giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lương Thị Thanh S phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Xử cho ly hôn giữa chị Lương Thị Thanh S và anh Bùi Văn V.

2. Về nuôi con: Giao con chung là cháu Bùi Ngọc T - sinh ngày 16/11/2010 cho chị Lương Thị Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi cháu Ngọc T đủ 18 tuổi; anh Bùi Văn V không phải cấp dưỡng nuôi con. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Lương Thị Thanh S phải chịu là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), được đối trừ số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai số 0001251 ngày 13/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự"./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THADS huyện Thanh Liêm;
- UBND xã T T, huyện Thanh Liêm;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Cảnh